

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5-TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 164/2026/DS-ST
Ngày: 10-8-2026
V/v: tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5-TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Dễ
- Ông Nguyễn Văn Còn

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Quê là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Duy – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 253/2025/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 324/2026/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1958. Căn cước công dân số: 080158007xxx. Địa chỉ: Số H Quốc lộ F, phường L, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện của bà Trần Thị N: Ông Đoàn Kim T, sinh năm 1968. Căn cước công dân số 080068016xxx. Địa chỉ: Số C ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh. (Văn bản ủy quyền ngày 08/11/2025). Vắng mặt.

2. Bị đơn:

2.1 Ông Huỳnh Ngọc D, sinh năm 1966. Căn cước công dân số 080066027xxx. Địa chỉ: Số G ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

2.2. Bà Đặng Thị Lệ H, sinh năm 1967. Căn cước công dân số 080167008xxx. Địa chỉ: số G ấp H, xã T, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Anh T1, sinh năm 1953. Địa chỉ: Số D, ấp B, phường L, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị N và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn là ông Đoàn Kim T trình bày như sau: Do quen biết, bà N có cho ông Huỳnh Ngọc D và bà Đặng Thị Lệ H vay tổng cộng 653.290.000 đồng, các bên thỏa thuận bằng lời nói lãi suất 3%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả. Việc vay tiền có lập giấy nợ do ông D và bà H ký tên, gồm 08 lần vay: Ngày 20/01/2022 vay số tiền 56.000.000 đồng; Ngày 15/02/2022 vay số tiền 25.000.000 đồng; Ngày 05/5/2022 vay số tiền 400.000.000 đồng; Ngày 10/10/2022 vay số tiền 52.290.000 đồng; Ngày 18/10/2022 vay số tiền 10.000.000 đồng; Ngày 03/11/2022 vay số tiền 10.000.000 đồng; Ngày 07/7/2022 vay số tiền 30.000.000 đồng; Ngày 04/7/2023 vay số tiền 70.000.000 đồng.

Sau khi vay, ông D và bà H không thanh toán tiền gốc và tiền lãi, mặc dù bà N nhiều lần yêu cầu trả nợ.

Nay bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông D và bà H liên đới trả số tiền gốc 653.290.000 đồng và tiền lãi tính theo lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 07/8/2024 cho đến khi xét xử.

Theo đơn khởi kiện bà N yêu cầu buộc ông D và bà H liên đới trả số tiền gốc 653.290.000 đồng và tiền lãi tính theo mức 1,67%/tháng từ thời điểm vay đến ngày 20/11/2025. Nay bà N thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu tiền lãi tính theo lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 07/8/2024 cho đến khi xét xử.

Bị đơn ông Huỳnh Ngọc D và Đặng Thị Lệ H vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Tuấn A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nhưng có ý kiến như sau: Ngày 02/6/2023 ông Huỳnh Ngọc D và Đặng Thị Lệ H có hỏi mượn ông số tiền 70.000.000 đồng để mua thức ăn cho tôm sú và cho heo, thời gian là 20 ngày nhưng đến thời gian trả nợ ông D và bà H không trả. Bà H, ông D có mượn tiền của bà Trần Thị N để trả cho ông. Bà N có yêu cầu ông viết biên nhận nên ông đồng ý viết biên nhận cho bà N là nhận đủ số tiền 70.000.000 đồng có sự chứng kiến của ông D, bà H. Ông xác nhận có nhận 70.000.000 đồng của bà N trả nợ thay bà H, ông D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Tây Ninh phát biểu:

- Về hình thức: Tòa án đã thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự là đúng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã tuân theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với ông Huỳnh Ngọc D và bà Đặng Thị Lệ H.

Buộc ông Huỳnh Ngọc D và bà Đặng Thị Lệ H phải trả cho bà Trần Thị N số tiền còn nợ là 653.290.000 đồng và tiền lãi tính theo lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 07/8/2024 cho đến khi xét xử.

Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Trần Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Ngọc D và bà Đặng Thị Lệ H phải trả số tiền vay còn nợ nên đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự; hiện ông D đang sinh sống tại xã T và bà H đang sinh sống tại xã T, tỉnh Tây Ninh thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đại diện nguyên đơn là ông Đoàn Kim T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Anh T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay còn nợ là 653.290.000 đồng. Nguyên đơn có cung cấp giấy nợ ngày 06/01/2022 số tiền 30.000.000 đồng, số tiền 15.000.000 đồng, số tiền 11.000.000 đồng tổng cộng 56.000.000 đồng; ngày 15/02/2022 số tiền 25.000.000 đồng; ngày 10/10/2022 số tiền 52.290.000 đồng; ngày 18/10/2022 số tiền 10.000.000 đồng; ngày 03/11/2022 số tiền 10.000.000

đồng; ngày 21/5/2023 số tiền 65.000.000 đồng, ngày 15 âm lịch số tiền 5.000.000 đồng, ngày 02/6/2023 đều có chữ ký của bà Đặng Thị Lệ H và Giấy hợp đồng để bán đất ngày 05/5/2022 (âm lịch) thể hiện nội dung “Tôi tên Đặng Thị Lệ H, sinh 1967 có hợp đồng với bà Trần Thị N sinh 1958 số tiền 400.000.000 bốn trăm triệu chẵn để lấy sổ đỏ của ông Huỳnh Ngọc D...” có chữ ký của ông Huỳnh Ngọc D và bà Đặng Thị Lệ H. Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt cho ông D, bà H thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Trong các văn bản này Tòa án đã nêu rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đã nộp nhưng ông D, bà H không có ý kiến phản đối gì. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Một bên thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, ... mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Tại Kết luận giám định số 1462/KL-KTHS ngày 09/6/2026 Phòng K Công an tỉnh T có nội dung: chữ ký và chữ viết “Đặng Thị Lệ H”: Ở dưới mục “Người Mượn” trên tài liệu ký hiệu A1; trên tài liệu ký hiệu A2, A5 đến A7; ở dưới mục “người vay” trên tài liệu ký hiệu A3; ở dưới mục “người viết giấy Hợp đồng” trên tài liệu ký hiệu A4; ở dưới mục “người Mượn” trên tài liệu ký hiệu A8; ở dưới mục “người viết” trên tài liệu ký hiệu A9 với chữ ký và chữ viết “Đặng Thị Lệ H” trên tài liệu ký hiệu A1, M2 là do cùng một người ký và viết ra. Do đó, có căn cứ xác định hiện ông D và bà H còn nợ số tiền vay 653.290.000 đồng của bà N. Căn cứ Điều 6 Bộ Luật Tố tụng dân sự đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ cho Tòa án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N. Buộc ông Huỳnh Ngọc D và bà Đặng Thị Lệ H phải trả số tiền vay còn nợ là 653.290.000 đồng cho bà Trần Thị N.

[4] Về tiền lãi:

[4.1] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng đối với các khoản vay ngày 20/01/2022, 15/02/2022, 10/10/2022, 05/5/2022, 18/10/2022, 03/11/2022, 04/7/2023 với tổng số tiền 623.290.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 07/8/2024 cho đến ngày 10/8/2026 là 24 tháng 03 ngày. Số tiền lãi $623.290.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times (24 \text{ tháng } 03 \text{ ngày}) = 124.676.698 \text{ đồng}$. Xét thấy, ngày 07/8/2024 bà H, ông D nhận Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nên ông D, bà H biết được bà N đang tranh chấp và khởi kiện tại Tòa án nhưng ông D, bà H không trả tiền nợ phải

chịu lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền đối với số tiền còn nợ theo quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu tính lãi với mức 0,83%/tháng, mức lãi suất này tương đương 10%/năm, không vượt quá mức lãi suất theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên bà N cầu ông D và bà H trả số tiền lãi 124.676.698 đồng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi đối với số tiền vay ngày 04/7/2023 số tiền 30.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử buộc ông Huỳnh Ngọc D và bà Đặng Thị Lệ H phải trả cho bà Trần Thị N số tiền nợ gốc 653.290.000 đồng và tiền lãi 124.676.698 đồng, tổng cộng là 777.966.698 đồng.

[6] Về chi phí tố tụng: Chi phí giám định là 8.700.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu số tiền này. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên bị đơn phải nộp số tiền 8.700.000 đồng trả nguyên đơn.

[7] LỜI đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là 35.118.668 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 468, 463 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với ông Huỳnh Ngọc D và bà Đặng Thị Lệ H.

1.1. Buộc ông Huỳnh Ngọc D và bà Đặng Thị Lệ H phải trả cho bà Trần Thị N số tiền nợ gốc 653.290.000 đồng và tiền lãi 124.676.698 đồng, tổng cộng là 777.966.698 đồng (Bảy trăm bảy mươi bảy triệu, chín trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm chín mươi tám đồng).

1.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về chi phí giám định: Ông Huỳnh Ngọc D và bà Đặng Thị Lệ H phải nộp số tiền 8.700.000 đồng (Tám triệu, bảy trăm nghìn đồng) trả cho bà Trần Thị N.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Ngọc D và bà Đặng Thị Lệ H phải nộp số tiền 35.118.668 đồng (Ba mươi lăm triệu, một trăm mười tám nghìn, sáu trăm sáu mươi tám đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

4. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 5-Tây Ninh;
- THA DS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Thoa